

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Triển khai thực hiện Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình Lâm nghiệp và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng được

liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 2356/TTr-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa; Báo cáo số 31/BC-BDT ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 74/BC-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2023 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

1. Sửa đổi khoản 5 Điều 4 như sau:

“5. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Đối với vốn ngân sách địa phương bố trí đối ứng, vốn ngân sách tỉnh bố trí 70%, vốn ngân sách cấp huyện bố trí 30% tổng số vốn đối ứng; riêng các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục tại huyện Khánh Sơn và huyện Khánh Vĩnh, ngân sách tỉnh bố trí 100%.”.

2. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

1. Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính 10 điểm	10
2	Dự án có quy mô trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được tính thêm	01
	Tổng cộng (1+2)	

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không.
- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm	0,1
	Tổng cộng	

Số liệu theo nhu cầu thực tế của địa phương.”.

3. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 6 như sau:

“b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 80% tổng vốn thực hiện Tiểu dự án 1 để phân bổ vốn cho các Ban Quản lý rừng phòng hộ, các Công ty Lâm nghiệp;

- Phân bổ vốn cho các địa phương: 20% tổng vốn thực hiện Tiểu dự án 1;

- Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ	0,004	a	$0,004 \times a$
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình	0,004	b	$0,004 \times b$
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung	0,016	c	$0,016 \times c$
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ	0,1	d	$0,1 \times d$
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ	0,3	đ	$0,3 \times đ$
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ	0,12	e	$0,12 \times e$
	Tổng cộng (1+2+3+4+5+6)	-	-	



Số lượng (a, b, c, ...) căn cứ nhu cầu thực tế của các đơn vị, địa phương."

4. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 2 Điều 6 như sau:

"- Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không quá 6% tổng vốn của Tiểu dự án 2 để xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (trong đó: Ban Dân tộc không quá 3,8%; Sở Công thương không quá 0,7%; Liên minh Hợp tác xã không quá 0,5%; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh không quá 0,5%; Hội Nông dân tỉnh không quá 0,5%;)".

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 8 như sau:

"b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 50% tổng vốn Tiểu dự án 3;

- Phân bổ cho các địa phương: 50% tổng vốn Tiểu dự án 3; áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên đào tạo nghề	0,035	a	$0,035 \times a$
	Tổng cộng (1)	-	-	

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương đã được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình."

6. Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 8 như sau:

"b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho Ban Dân tộc: Không quá 30% tổng vốn của Tiểu dự án 4 để thực hiện nhiệm vụ của Ban Dân tộc và tổ chức nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình tại huyện Diên Khánh, thị xã Ninh Hòa và thành phố Cam Ranh.

- Phân bổ cho các huyện: Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Cam Lâm: Không quá 70% tổng vốn của Tiểu dự án 4. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	15	a	$15 \times a$
2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (Số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,5	b	$1,5 \times b$
	Tổng cộng (1+2+3)	-	-	

Xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)."

7. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 9 như sau:

"a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không."

8. Sửa đổi khoản 2, Điều 10 như sau:

"2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ 100% vốn thực hiện Dự án 7 cho Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh phân bổ cho các cơ sở y tế tuyến tỉnh; các Trung tâm Y tế tuyến huyện, áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	50 x a
2	Mỗi xã khu vực II	30	b	30 x b
3	Mỗi xã khu vực I	15	c	15 x c
	Tổng cộng (1+2+3)	-	-	

Xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)."

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản, điểm của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; các nội dung còn lại của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh vẫn còn hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp các văn bản pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản pháp luật khác thì áp dụng theo các nội dung được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó khi có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Ủy ban Dân tộc;
- Vụ Pháp chế các Bộ: NN&PTNT, Y tế, LĐ-TB&XH, KH&ĐT, Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy khối các cơ quan;
- Đảng ủy khối doanh nghiệp;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);
- Lưu: VT, Tm.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Mạnh Dũng